

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
1,9	Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá.				
1,1	Giá trị tài sản được thẩm định giá (đất đai, nhà, công trình xây dựng, máy, thiết bị, phương tiện vận tải, dây chuyển công nghệ, ...); Thông tin giá cả, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá tài sản. Hội đồng thẩm định giá đất.				
2	Xây dựng chức năng nhập thông tin giá trị tài sản thẩm định giá cho Doanh nghiệp thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.				
3	Triển khai thu thập thông tin giá cả thị trường; thông tin đăng ký giá, kê khai giá; kết quả thẩm định giá nhà nước khi mua sắm tài sản, cho các phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, các sở ngành có liên quan.				
4	Triển khai nộp hồ sơ đăng ký, kê khai giá trực tuyến cho các tổ chức đăng ký, kê khai giá tại Sở Tài chính, có thể thực hiện trao đổi thông tin trực tuyến về hồ sơ đăng ký, kê khai giá giữa tổ chức và cán bộ Sở Tài chính.				
5	Quản lý văn bản nhà nước về giá; Khai thác báo cáo tổng hợp				
5,1	Các quyết định, văn bản quản lý, điều hành về giá.				
5,2	Các văn bản hướng dẫn, tham gia, góp ý với các đơn vị khác có liên quan đến cơ chế chính sách về giá.				
5,3	Báo cáo tình hình giá cả thị trường.				
5,4	Các báo cáo, tài liệu học tập kinh nghiệm.				
5,5	Kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học.				
5,6	Các báo cáo, văn bản có liên quan khác.				
5,7	Biểu đồ tổng hợp biến động giá hàng hóa, dịch vụ kê khai giá.				
5,8	Biểu đồ tổng hợp biến động giá hàng hóa, dịch vụ giá thị trường.				
5,9	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá.				
5,1	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá theo địa bàn, khu vực áp dụng.				
5,1	Bảng giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh/tp định giá theo loại giá.				
5,1	Bảng tổng hợp mức giá kê khai.				
5,1	Bảng giá kê khai tổng hợp theo đơn vị kê khai.				
5,1	Bảng giá kê khai tổng hợp theo nhóm hàng hóa, dịch vụ.				
5,2	Bảng giá kê khai tổng hợp theo loại giá.				
5,2	Bảng giá thị trường.				
5,2	Bảng giá thị trường tổng hợp theo địa bàn.				
5,2	Bảng giá thị trường tổng hợp theo loại giá.				
5,2	Bảng tổng hợp giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ.				
6	Các thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá				

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
6,1	Tình hình thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá.				
6,2	Quỹ bình ổn giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định của pháp luật.				
6,3	Các thông tin, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới như: Tài khoản quốc gia; tài chính công; tiền tệ; chứng khoán; thương mại; chỉ số giá; các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế thế giới, trong nước; các thông tin, chỉ tiêu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.				
6,4	Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá.				
7	Kết nối với CSDL quốc gia về giá.				
8	Kết nối với CSDL về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.				
9	Phân quyền cho cán bộ Sở Tài chính, cán bộ một số sở, ngành chuyên môn, cán bộ Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố trong việc thực hiện nghiệp vụ quản lý giá.				
Tổng cộng					2.730.000.000

Bảng chữ: Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế phí và chi phí cài đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng
- Báo giá có hiệu lực trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát hành
- Địa điểm bàn giao: tại địa điểm khách hàng